

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ LỘC  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-ST

Ngày: 13 - 11 - 2019.

V/v: Yêu cầu thực hiện  
nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Phú và ông Hồ Văn Kỳ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Lành, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018, về việc: Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-DS ngày 30/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Minh Tr, sinh năm 1960; địa chỉ: Số A đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Kh, sinh năm 1978; địa chỉ: Số B, đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: KC đường T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng; nơi ở hiện nay: Số 05, đường H, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1963, Luật sư Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Số D, đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt (có Đơn xin không tiếp tục tham gia tố tụng tại Tòa án).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Thân Đức G, sinh năm 1958; chị Thân Thị Thu Th, sinh năm 1985; đều có địa chỉ: Số A đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thân Đức G và chị Thân Thị Thu Th: Ông Nguyễn Tấn Kh, sinh năm 1978; địa chỉ: Số B, đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (các văn bản ủy quyền ngày 24/7/2019); ông Kh có mặt.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần X - Chi nhánh Đà Nẵng; địa chỉ: Số M, đường P, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2018, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Anh Nguyễn Quang V với chị Thân Thị Thu Th (con gái của ông Thân Đức G và bà Ngô Thị Minh Tr) trước đây là vợ chồng (nay đã ly hôn). Trong thời kỳ hôn nhân, anh V và chị Th có vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần X - Chi nhánh Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là X Bank) để kinh doanh. Bà Tr đã thế chấp tài sản là nhà đất tại số cũ đường N (nay là số A đường N1), phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng để bảo đảm cho khoản vay của anh V, chị Th.

Sau đó, anh V và chị Th không trả được khoản nợ vay nên X Bank đã khởi kiện. Tại Bản án kinh doanh thương mại số 04/2018/KDTM-ST ngày 18/4/2018, Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã tuyên xử buộc anh V và chị Th trả nợ cho X Bank.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Thân Thị Thu Th đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho X Bank; riêng anh Nguyễn Quang V không thực hiện nghĩa vụ. Để không phải bị phát mãi tài sản thế chấp nên bà Ngô Thị Minh Tr đã trả thay các khoản nợ cho anh V, cụ thể: Tính đến ngày 06/7/2018, bà Tr đã trả thay cho anh V số tiền: 721.270.000 đồng (theo nợ gốc và mức lãi suất mà X Bank đã áp dụng trong Hợp đồng tín dụng số 7512664 ngày 01/6/2016, Hợp đồng tín dụng số 8830352 và Khê ước nhận nợ ngày 24/8/2016; nợ thế tín dụng theo Hợp đồng 312-P-425370 ngày 11/7/2016 với số tiền 36.270.000 đồng).

Ngày 08/7/2019, bà Tr khởi kiện bổ sung với nội dung: Ngày 20/3/2019, bà Tr đã tiếp tục trả nợ lãi thay cho anh V với tổng số tiền: 421.467.403 đồng. Trong đó: Trả theo Hợp đồng tín dụng số 8830352 ngày 24/8/2016 với số tiền 28.204.724 đồng; trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 7512664 ngày 01/6/2016 với số tiền 106.749.097 đồng và trả nợ gốc, nợ lãi theo Giấy đăng ký vay tiền tiêu dùng cá nhân mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/4/2017 với số tiền: 286.153.582 đồng.

Tổng số tiền bà Tr đã trả nợ thay cho anh Nguyễn Quang V là 1.142.737.403 đồng (721.270.000 đồng + 421.467.403 đồng).

Nay bà Ngô Thị Minh Tr yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Quang V phải thanh toán lại toàn bộ số tiền 1.142.737.403 đồng; đồng thời trả tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định với mức 9%/năm, tương ứng

0,025%/ngày kể từ ngày bà Tr trả thay cho anh V cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với tổng số tiền lãi là 112.946.095 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc ông Thân Đức G, bà Ngô Thị Minh Tr trả số tiền nợ là 1.000.000.000 đồng thì bà Tr không đồng ý vì đã trả nợ cho anh V, chị Th.

**\* *Tại bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Quang V trình bày :***

Anh V thừa nhận có nợ Ngân hàng X Bank chi nhánh Đà Nẵng các khoản nợ như bà Tr đã trình bày và bà Tr đã trả thay cho anh V. Tuy nhiên, Bản án kinh doanh thương mại số 04/2018/KDTM-ST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng buộc anh V trả nợ là không đúng, vì các khoản nợ này anh V vay dùm cho bà Tr và bà Tr đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay này nên bà Tr phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng.

Do vậy, anh Nguyễn Quang V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Tr.

Ngoài ra, anh V có phản tố với nội dung: Vào năm 2015, vợ chồng bà Ngô Thị Minh Tr, ông Thân Đức G có vay của vợ chồng anh V, chị Th số tiền: 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền được công chứng ngày 26/11/2015, thời hạn trả nợ là ngày 26/11/2018. Nay yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị Minh Tr, ông Thân Đức G phải trả cho anh V số tiền nợ: 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 12/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

**\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Thân Đức G trình bày:*** Đối với tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh giữa bà Ngô Thị Minh Tr (vợ ông G) với anh Nguyễn Quang V thì ông G không liên quan vì bà Tr dùng tài sản riêng để trả nợ thay cho anh V. Đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Quang V thì ông G thừa nhận vợ chồng ông G, bà Tr có vay mượn tiền của anh V chị Th theo Hợp đồng vay tiền ngày 26/11/2015 như anh V trình bày. Tuy nhiên, số tiền này ông G, bà Tr đã trả đủ cho anh V, chị Th nên ông G không đồng ý với yêu cầu phản tố của anh V.

**\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thân Thị Thu Th trình bày:***

Chị Th và anh V có nợ X Bank, sau khi Tòa án tuyên buộc trả nợ thì chị Th đã thực hiện nghĩa vụ của mình; đối với anh V không thực hiện nên bà Ngô Thị Minh Tr (mẹ của chị Th) đã dùng tài sản riêng trả nợ thay cho anh V để giải chấp tài sản thế chấp nên chị không liên quan. Đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Quang V thì chị Th cũng thừa nhận vợ chồng ông G, bà Tr có thỏa thuận vay mượn tiền của anh V chị Th theo Hợp đồng vay tiền như anh V trình bày. Số tiền nợ này ông G, bà Tr đã trả đủ cho anh V và chị Th nên yêu cầu phản tố đòi nợ: 1.000.000.000 đồng của anh V theo hợp đồng vay tiền này là không có cơ sở và gian dối.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần X - Chi nhánh Đà Nẵng (X Bank), tại Văn bản trình bày ý kiến số 080/2019/XB AMC MN ngày 26/6/2019 thể hiện:***

X Bank xác nhận bà Ngô Thị Minh Tr có thể chấp nhà và đất tại thửa số N, tờ bản đồ M, địa chỉ N (nay là số N1), phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của ông Nguyễn Quang V và bà Thân Thị Thu Th tại X Bank. Do ông V, bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên tại Bản án kinh doanh thương mại số 04/2018/KDTM-ST ngày 18/4/2018, Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã buộc ông V, bà Th mỗi người trả cho X Bank 50% khoản nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 7512664 ngày 01/6/2016 và Hợp đồng vay tín dụng số 8830352 ngày 24/8/2016. Bà Th đã trả 50% số nợ gốc và lãi theo hai Hợp đồng tín dụng trên. Đối với nghĩa vụ trả nợ của anh V mặc dù Ngân hàng đã có yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng đã ra quyết định hành án nhưng anh V vẫn không thực hiện nên bà Tr đã trả nợ thay cho ông V, cụ thể: Ngày 05/7/2018 bà Tr đã trả thay cho ông V các khoản sau: Trả 545.000.000 đồng nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 7512664; trả: 140.000.000 đồng Hợp đồng tín dụng số 8830352; trả: 36.270.000 đồng nợ thế tín dụng theo Hợp đồng số 312-P-425370. Ngày 25/3/2019, bà Tr đã trả nợ thay cho ông V các khoản sau: Trả tiền nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 8830352 ký ngày 24/8/2016 với số tiền 28.204.724 đồng; trả số tiền nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 7512664 ngày 01/6/2016 với số tiền 106.749.097 đồng; trả toàn bộ nợ gốc và lãi theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/4/2017 với số tiền 286.513.582 đồng.

Ngân hàng X Bank xác nhận hiện anh Nguyễn Quang V không còn dư nợ tại X Bank Đà Nẵng nên đã giải chấp tài sản thế chấp cho bà Tr. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr với ông V, Ngân hàng X Bank không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện P đã tiến hành hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

***\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 274, 280, 340, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; giải quyết: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Minh Tr. Buộc anh Nguyễn Quang V phải trả cho bà Tr số tiền 1.142.737.403 đồng và 112.946.095 đồng tiền lãi. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Quang V về việc buộc bà Ngô Thị Minh Tr phải trả cho anh V số tiền 1.000.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 10/10/2018, Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng sau khi thụ lý vụ án, anh Nguyễn Quang V trình bày và Công an thị trấn L xác nhận anh V hiện tạm trú tại địa chỉ: Số 05, đường H, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do vậy, Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có người ủy quyền cũng như có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa, nay có đơn xin không tiếp tục tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Bản án kinh doanh thương mại số 04/2018/KDTM-ST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng (đang có hiệu lực pháp luật), đã quyết định: *“Buộc ông Nguyễn Quang V và bà Thân Thị Thu Th mỗi người phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền 739.159.260 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu một trăm năm mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 685.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng) và nợ lãi là 54.159.260 đồng (Năm mươi tư triệu một trăm năm mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi đồng). Ông Nguyễn Quang V, bà Thân Thị Thu Th phải tiếp tục chịu nghĩa vụ trả lãi kể từ ngày 13/10/2017 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi xuất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 7512664, Khế ước nhận nợ ngày 01/6/2016 và Hợp đồng tín dụng số 8830352, Khế ước nhận nợ ngày 24/8/2016. Trường hợp ông Nguyễn Quang V và bà Thân Thị Thu Th không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đủ thì bà Ngô Thị Minh Tr phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Điều 369 Bộ luật dân sự năm 2005, Ngân hàng Thương mại*

*cổ phần X có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất thửa số N, tờ bản đồ M, địa chỉ N (nay là số N1), phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng có giấy chứng nhận số AN10xxxx, số vào sổ cấp GCN số H1xxxx do UBND quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/7/2009. Ngày 25/11/2015 đăng ký sang tên cho bà Ngô Thị Minh Tr tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tại quận T, thành phố Đà Nẵng”.*

Do anh Nguyễn Quang V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho X Bank theo bản án này, nên bà Ngô Thị Minh Tr đã phải thực hiện thay các nghĩa vụ của anh V để nhận lại tài sản thế chấp.

Nội dung yêu cầu của bà Ngô Thị Minh Tr phù hợp với ý kiến trình bày và xác nhận của Ngân hàng Thương mại cổ phần X - Chi nhánh Đà Nẵng về việc bà Tr đã trả thay cho anh Nguyễn Quang V toàn bộ số tiền nêu trên; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được Tòa án công khai như: Bản sao Bản án kinh doanh thương mại số 04/2018/KDTM-ST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng; bản sao Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 18/QĐ-CCTHADS ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng; 03 giấy nộp tiền ngày 05/7/2018 (số bút toán TT181861xxxx; TT181861xxxx và TT18186xxxx); hợp đồng thế chấp số 4332 ngày 31/5/2016; bản sao giấy xác nhận về việc trả nợ 721.000.000 đồng thay anh Nguyễn Quang V của Phòng giao dịch X Bank Hàm Nghi; giấy nhận tiền có số bút toán TT190796xxxx ngày 20/3/2019 với số tiền nộp 421.467.403 đồng; giấy xác nhận của X Bank về việc bà Tr trả nợ số tiền 421.467.403 đồng; giấy xác nhận trả số tiền: 270.000 đồng thay anh Nguyễn Quang V; đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp.

Anh V cũng thừa nhận các khoản nợ này nhưng cho rằng các khoản vay này là anh vay dùm cho bà Tr. Tuy nhiên ý kiến của anh V là không có căn cứ nên đã không được Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng chấp nhận. Trong vụ án này, anh V cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh cho việc vay dùm.

Bà Tr đã trả thay cho anh Nguyễn Quang V số tiền nợ 1.142.737.403 đồng tại X Bank nên yêu cầu khởi kiện là có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của bà Ngô Thị Minh Tr buộc anh Nguyễn Quang V phải trả tiền lãi suất, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Tr đã trả thay các khoản nợ cho anh V, nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng anh V không thực hiện, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tr, cần buộc anh Nguyễn Quang V phải trả cho bà Tr số tiền lãi suất theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quyết định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam) là đúng quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể: Số tiền lãi suất anh V phải trả cho bà Tr như sau:

- Ngày 05/7/2018, bà Tr đã trả thay cho anh V số tiền: 721.270.000 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/11/2019) là 496 ngày:  $721.270.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 496 \text{ ngày}/30 = 88.212.309 \text{ đồng}$ .

- Ngày 20/3/2019, bà Tr đã trả thay cho anh V số tiền: 421.467.403 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/11/2019) là 238 ngày:  $421.467.403 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 238 \text{ ngày}/30 = 24.733.786 \text{ đồng}$ .

Số tiền lãi anh V phải trả cho bà Tr là:  $88.212.309 \text{ đồng} + 24.733.786 \text{ đồng} = 112.946.095 \text{ đồng}$ .

[4] Tổng số tiền bị đơn anh Nguyễn Quang V phải trả cho bà Ngô Thị Minh Tr là:  $1.142.737.403 \text{ đồng} + 112.946.095 \text{ đồng} = 1.255.683.498 \text{ đồng}$ .

[5] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi nợ tiền, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Hợp đồng vay tiền được công chứng ngày 26/11/2015 thể hiện bên cho vay là anh Nguyễn Quang V, chị Thân Thị Thu Th và bên vay là ông Thân Đức G, bà Ngô Thị Minh Tr, số tiền vay là 2.000.000.000 đồng.

Ông Thân Đức G, bà Ngô Thị Minh Tr và chị Thân Thị Thu Th đều thừa nhận có việc vay tiền như ý kiến anh V trình bày. Tuy nhiên, bà Tr, ông G đều trình bày đã trả đủ số tiền nợ trên cho anh V, chị Th; chị Th cũng thừa nhận về việc đã được trả nợ.

Sau khi anh V yêu cầu phản tố thì bà Tr đã cung cấp bản chính Hợp đồng vay tiền, phần sau cùng của hợp đồng có thể hiện nội dung mà bản sao Hợp đồng vay tiền do anh Nguyễn Quang V cung cấp không có, thể hiện "*Số tiền vợ chồng tôi cho ba mẹ mượn trước nay vợ chồng tôi giao nhiều lần. Hôm nay vợ chồng tôi đã nhận đủ số tiền cho ba mẹ mượn là 2 tỷ (hai tỷ đồng chẵn), vợ chồng tôi ghi xác nhận này để làm bằng chứng*"; người cho mượn (đã ký và ghi rõ họ tên "*Nguyễn Quang V*" và "*Thân Thị Thu Th*"). Đối với nội dung này tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Quang V vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 12/9/2019, anh V cho rằng giống chữ viết, chữ ký của anh V. Tại phiên tòa, anh V thừa nhận anh là người viết nội dung, ký và ghi tên "*Nguyễn Quang V*" ở phần trang cuối của bản chính Hợp đồng vay tiền ngày 26/11/2015 do bà Tr cung cấp (bút lục:121-123); anh V cho rằng lúc đó anh là con (rể) của ông G, bà Tr nên anh mới viết nội dung trên, nhưng thực tế bà Tr, ông G chưa trả tiền cho anh V, chị Th.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh V không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định rằng số tiền ông Thân Đức G, bà Ngô Thị Minh Tr vay mượn của anh Nguyễn Quang V, chị Thân Thị Thu Th theo Hợp đồng vay tiền ngày 26/11/2015 đã được ông G, bà Tr trả đủ cho anh V, chị Th. Bởi vậy, yêu cầu phản tố buộc bà Ngô Thị Minh Tr trả cho anh V số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền: 1.255.683.498 đồng là: 36.000.000 đồng + (3% x 454.663.778) = 49.670.504 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận của số tiền: 1.000.000.000 (một tỷ đồng) là: 36.000.000 đồng + (3% x 200.000.000 đồng) = 42.000.000 đồng. Tổng cộng bị đơn anh Nguyễn Quang V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.670.504 đồng + 42.000.000 đồng = 91.670.504 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm đ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 274, 280, 340 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Minh Tr: Buộc anh Nguyễn Quang V phải trả cho bà Ngô Thị Minh Tr số tiền 1.255.683.498 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn Quang V về việc yêu cầu bà Ngô Thị Minh Tr, ông Thân Đức G phải trả cho anh V số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Quang V phải chịu 91.670.504 đồng (chín mươi một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm linh bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006499 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh Nguyễn Quang V còn phải nộp 70.670.504 đồng (bảy mươi triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm linh bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.



Trả lại cho bà Ngô Thị Minh Tr số tiền tạm ứng án phí 16.425.400 đồng (mười sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004253 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng và 10.430.000 đồng (mười triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006611 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Trần Ngọc Tú**